CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 59/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2010*

NGHỊ QUYẾT
Về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Tổ trưởng Tổ công tác chuyên trách cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Giao Bộ Công thương và các bộ, ngành liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Điều 1 và Điều 3 của Nghị quyết này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Công thương chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ về các luật, pháp lệnh, nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Nghị quyết này.

Điều 3. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong luật, pháp lệnh cần phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ trưởng Bộ Tư pháp, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị của Chính phủ về việc cho phép bổ sung dự án

luật, pháp lệnh để thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua vào chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011, 2012 theo hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008.

Căn cứ chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, giao Văn phòng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thời hạn Bộ Công thương và các bộ, ngành liên quan hoàn thành việc soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh nêu trên gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung để trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Đối với những thủ tục hành chính được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo Phương án đơn giản hóa nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, giao Bộ Công thương áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản theo trình tự, thủ tục rút gọn để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường hợp cần áp dụng một văn bản để sửa một văn bản, giao Bộ trưởng Bộ Công thương xem xét, quyết định.

Điều 5. Giao Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, căn cứ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan trung ương ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, thực hiện ngay việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các văn bản thuộc thẩm quyền, ban hành để bảo đảm thi hành khi các văn bản của trung ương nói trên có hiệu lực.

Điều 6. Giao Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Công thương, các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết này.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ)

Phần A
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA

I. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC; XUẤT, NHẬP KHẨU

1. Nhóm thủ tục Cấp phép tạm nhập, tái xuất:

- Thủ tục Cấp phép tạm nhập tái xuất đối với mặt hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu (B-BCT-001863-TT);

- Thủ tục Cấp phép chuyển khẩu đối với mặt hàng cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu, cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu (B-BCT-107921-TT)

a) Quy định thành phần hồ sơ gồm: Văn bản đề nghị; Báo cáo tình hình tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Hợp đồng mua và hợp đồng bán;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định cách thức thực hiện: nộp trực tiếp, nộp qua bưu điện/công văn hành chính; thời hạn giải quyết của từng cách thức;

d) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

2. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu thuốc lá điếu, xì gà phục vụ kinh doanh miễn thuế (B-BCT-001871-TT)

a) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính);

Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

3. Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu (B-BCT-001898-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện /công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Bổ sung nội dung "thu hồi trong trường hợp vi phạm Điều 7 về điều kiện kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu" vào khoản 6, Điều 8, của Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009.

4. Thủ tục Phân giao hạn mức tối thiểu nhập khẩu xăng dầu (B-BCT-001911-TT)

a) Quy định thành phần hồ sơ gồm: Công văn đề nghị của doanh nghiệp nêu rõ số lượng, chủng loại; Báo cáo tình hình nhập khẩu xăng dầu của đơn vị trong năm;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Quy định doanh nghiệp đăng ký số lượng, chủng loại xăng dầu được giao trên cơ sở tình hình nhập khẩu trong năm và kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

5. Thủ tục Cấp phép tạm nhập tái xuất đối với mặt hàng tinh dầu xá xị (B-BCT-002090-TT)

a) Pháp lý hóa văn bản quy định về thành phần hồ sơ; trình tự cấp giấy phép tạm nhập tái xuất đối với mặt hàng tinh dầu xá xị và thời hạn giải quyết;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

6. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng Ô-dôn (B-BCT-002094-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

7. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan đối với các mặt hàng đường, muối, nguyên liệu thuốc lá, trứng gia cầm (B-BCT-002096-TT)

a) Pháp lý hóa thành phần hồ sơ cấp phép; trình tự cấp giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch thuế quan;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

8. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu súng đạn thể thao (B-BCT-002102-TT)

a) Pháp lý hóa thành phần hồ sơ cấp phép; trình tự cấp giấy phép nhập khẩu súng đạn thể thao;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

d) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

9. Thủ tục Cấp phép xuất khẩu phân bón có nguồn gốc nhập khẩu (B-BCT-002115-TT)

Tạm dừng việc cấp giấy phép này, doanh nghiệp có thể xuất khẩu phân bón có nguồn gốc nhập khẩu mà không cần giấy phép.

10. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu gỗ có nguồn gốc Campuchia (B-BCT-002117-TT)

a) Đổi tên thủ tục hành chính thành "cấp Giấy phép nhập khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia";

b) Pháp lý hóa văn bản quy định thành phần hồ sơ cấp phép, trình tự cấp giấy phép nhập khẩu gỗ có nguồn gốc Campuchia; quy định cách thức thực hiện gồm: nộp trực tiếp, nộp qua bưu điện/công văn hành chính; thời hạn giải quyết của từng cách thức;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

11. Thủ tục Cấp phép nhập khẩu tự động xe môtô phân khối lớn (B-BCT-159428-TT)

a) Quy định thành phần hồ sơ như sau:

- Cấp mới gồm: Đơn đề nghị; bản sao y hợp đồng nhập khẩu, bản sao y một trong 3 loại giấy tờ:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

+ Giấy chứng nhận đầu tư

+ Giấy phép kinh doanh;

- Cấp lại gồm: Đơn đề nghị cấp lại, Báo cáo kết quả tình hình nhập khẩu môtô xe máy phân khối lớn của thương nhân trong thời hạn của giấy phép gần nhất đến ngày nộp đơn đề nghị cấp lại giấy phép.

b) Quy định số lượng của từng loại giấy trong một bộ hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ, hình thức các loại giấy phù hợp với từng cách thức thực hiện (nộp trực tiếp, nộp qua bưu điện, nộp qua mạng) để thương nhân lựa chọn và thực hiện.

12. Nhóm thủ tục cấp phép về C/O:

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu E (B-BCT-089366-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu D (B-BCT-090824-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi Mẫu VJ (B-BCT-090792-TT);

- Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O mẫu A cho mặt hàng giày dép xuất khẩu sang thị trường EU (B-BCT-161122-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu A (B-BCT-163361-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu B (B-BCT-163366-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu) (B-BCT-163369-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Venezuela (B-BCT-163373-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Pêru (B-BCT-163370-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu Thổ Nhĩ Kỳ (B-BCT-163371-TT);

- Thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) không ưu đãi Mẫu DA 59 (B-BCT-163368-TT);

- Thủ tục cấp Giấy xác nhận hàng hóa được gia công, xuất khẩu tại Việt Nam (B-BCT-163374-TT)

Bổ sung phương thức cấp C/O qua mạng Internet (Ecosys) và hướng dẫn thực hiện.

13. Nhóm thủ tục về xác nhận máy móc, vật tư:

- Thủ tục Xác nhận thiết bị, máy móc, vật tư ngành năng lượng thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để phục vụ nghiên cứu và sản xuất. (B-BCT-112869-TT);

- Thủ tục Xác nhận thiết bị, máy móc, vật tư ngành công nghiệp nhẹ thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu phục vụ nghiên cứu và sản xuất. (B-BCT-111926-TT);

- Thủ tục Xác nhận thiết bị, máy móc, vật tư ngành cơ khí, luyện kim thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu phục vụ nghiên cứu và sản xuất. (B-BCT-112881-TT);

- Thủ tục Xác nhận thiết bị, máy móc, vật tư ngành hóa chất thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu phục vụ nghiên cứu và sản xuất. (B-BCT-113123-TT)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

14. Nhóm thủ tục về xác nhận máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ:

- Thủ tục Xác nhận về máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu thuộc ngành năng lượng (B-BCT-112872-TT);

- Thủ tục Xác nhận về máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu thuộc ngành công nghiệp nhẹ (B-BCT-111411-TT);

- Thủ tục Xác nhận về máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu thuộc ngành cơ khí, luyện kim (B-BCT-112886-TT);

- Thủ tục Xác nhận về máy chính của lô hàng thiết bị toàn bộ, thiết bị đồng bộ nhập khẩu thuộc ngành hóa chất (B-BCT-113126-TT)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

15. Cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa (B-BCT-107270-TT)

a) Quy định cụ thể nội dung "tài liệu tương đương khác" tại điểm c, khoản 1, mục I Thông tư số 03/2009/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2009 của Bộ Tài chính;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

16. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi hai tỉnh trở lên (B-BCT-107143-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Công bố công khai Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Quy định rõ các điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính tại khoản 3 mục VIII Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công thương, hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, bao gồm các điều kiện về kho hàng, phương tiện vận tải, năng lực tài chính.

17. Nhóm thủ tục về bán buôn hoặc đại lý bán buôn sản phẩm thuốc lá:

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi hai tỉnh trở lên (B-BCT-107261-TT);

- Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi hai tỉnh trở lên (B-BCT-107259-TT)

a) Quy định cụ thể các tài liệu đáp ứng các yêu cầu điều kiện theo quy định liên quan đến nội dung cấp lại (/cấp sửa đổi, bổ sung) giấy phép kinh doanh bán buôn thuốc lá;

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

18. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu trong phạm vi hai tỉnh trở lên (B-BCT-107265-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định đặc tính từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ: bản sao có chứng thực (nộp qua bưu điện/đường công văn) hoặc bản chụp và mang theo bản chính để đối chiếu (nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết) hoặc bản sao có xác nhận của chính doanh nghiệp làm thủ tục;

- Bỏ yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ nêu tại công văn số 10966/BCT-TTTN ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công thương về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008;

- Bỏ yêu cầu nộp "Phương án kinh doanh" trong thành phần hồ sơ.

b) Về điều kiện cấp phép: Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Pháp lý hóa về trình tự, thành phần hồ sơ thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu trong phạm vi hai tỉnh trở lên thay thế Giấy phép kinh doanh rượu hết thời hạn sử dụng.

19. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu (do bị hỏng, cháy, mất) phạm vi hai tỉnh trở lên (B-BCT-107269-TT)

Pháp lý hóa trình tự, cách thức, thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ, mẫu đơn đề nghị, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu do bị hỏng, cháy, mất.

20. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu (B-BCT-107278-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

21. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi một tỉnh (B-BCT-107284-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Bổ sung quy định về công bố công khai Quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh sản phẩm thuốc lá được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Quy định rõ các điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính tại khoản 3 mục VIII Thông tư số14/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2008 của Bộ Công thương về hướng dẫn thực hiện một số quy định tại Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá, bao gồm các điều kiện về kho hàng, phương tiện vận tải, năng lực tài chính.

22. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi một tỉnh (B-BCT-107288-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá trong thành phần hồ sơ;

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

23. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) sản phẩm thuốc lá trong phạm vi một tỉnh (B-BCT-107289-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

24. Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu trong phạm vi một tỉnh (B-BCT-107293-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định những yêu cầu đối với từng loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ: bản sao có chứng thực (nộp qua bưu điện/đường công văn) hoặc bản chụp và mang theo bản chính để đối chiếu (nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết) hoặc bản sao có xác nhận của chính doanh nghiệp làm thủ tục;

- Bỏ yêu cầu nộp "Phương án kinh doanh";

- Bỏ yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy trong thành phần hồ sơ nêu tại Công văn số 10966/BCT-TTTN ngày 14 tháng 11

năm 2008 của Bộ Công thương về hướng dẫn thực hiện Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008.

b) Quy định rõ hơn về điều kiện kinh doanh: Có kho hàng (hoặc hệ thống kho hàng) phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp.

25. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu trong phạm vi một tỉnh (B-BCT-107295-TT)

Pháp lý hóa trình tự, cách thức, thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ, mẫu đơn đề nghị, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn (hoặc đại lý bán buôn) rượu do bị hỏng, cháy, mất hoặc hết thời hạn hiệu lực.

26. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (B-BCT-107296-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp "tài liệu chứng minh tính hợp pháp về địa chỉ, địa điểm kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá" trong thành phần hồ sơ;

- Quy định số bộ hồ sơ đề nghị cấp là 01 bộ.

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Quy định trách nhiệm cơ quan có thẩm quyền về việc công bố công khai và thực hiện quy hoạch hệ thống mạng lưới kinh doanh bán lẻ thuốc lá trên địa bàn cấp huyện để tổ chức, cá nhân có thể xem xét đối chiếu khi làm thủ tục cấp giấy phép.

27. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (B-BCT-107299-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp "bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán lẻ thuốc lá" trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại;

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

28. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá (B-BCT-107300-TT)

a) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

29. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu (B-BCT-107301-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường, Hợp đồng đại lý bán lẻ, Bản giới thiệu trong thành phần hồ sơ;

b) Thay yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy bằng Bản cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về PCCC theo quy định của pháp luật;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

30. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu (B-BCT-107302-TT)

a) Bổ sung quy định thủ tục hành chính đối với trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất, cháy, hỏng;

b) Pháp lý hóa quy định về trình tự, cách thức, thời hạn, mẫu đơn để thực hiện thủ tục.

II. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP TIÊU DÙNG

31. Nhóm thủ tục về nhập khẩu sợi thuốc lá:

- Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu sợi thuốc lá (B-BCT-047578-TT);

- Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu giấy cuốn điếu thuốc lá (B-BCT-128779-TT)

a) Quy định mẫu đề cương hoặc mẫu hóa nội dung báo cáo làm căn cứ để Bộ Công thương gửi bản thông báo kế hoạch nhập khẩu sợi thuốc lá đến các doanh nghiệp và cơ quan có liên quan;

b) Bổ sung quy định về công khai tổng hạn ngạch nhập khẩu sợi thuốc lá của cả nước và kết quả phân bổ chỉ tiêu này trên trang tin điện tử của Bộ Công thương.

32. Chấp thuận nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá (B-CT-047732-TT)

a) Quy định cách thức xác định đủ điều kiện nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá, phụ tùng thay thế, nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá;

b) Pháp lý hóa thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, hình thức các loại giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

33. Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất thuốc lá (B-BCT-002118-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản

chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Bổ sung quy định các biện pháp xử lý vi phạm giấy phép bị thu hồi có thời hạn, thu hồi vĩnh viễn;

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

34. Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất thuốc lá (B-BCT-047707-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

35. Nhóm thủ tục về kinh doanh nguyên liệu thuốc lá:

- Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (B-BCT-047218-TT);

- Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh nguyên liệu thuốc lá (B-BCT-049276-TT)

Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

36. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá (B-BCT-044997-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc lá đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị đã có Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá;

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy do cơ quan công an có thẩm quyền cấp".

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định tài liệu "Bản công bố tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn cơ sở và Quy định về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm của Bộ Y tế" là "bản công bố tiêu chuẩn cơ sở";

d) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

37. Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện chế biến nguyên liệu thuốc lá (B-BCT-045111-TT)

a) Bổ sung cách thức thực hiện qua mạng internet và hình thức hồ sơ để thực hiện cách thức này;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

38. Cấp Giấy phép sản xuất rượu trên 3 triệu lít/năm (B-BCT-047299-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm" trong thành phần hồ sơ;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép là 15 năm.

39. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu trên 3 triệu lít/năm (B-BCT-128778-TT)

a) Pháp lý hóa thành phần hồ sơ đề nghị xin cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép hết hạn;

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

40. Cấp Giấy phép sản xuất rượu dưới 3 triệu lít/năm (B-BCT-047283-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm" trong thành phần hồ sơ đối với các dự án mới;

- Bỏ yêu cầu nộp "Bản dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (sản lượng từng nhóm sản phẩm, nộp thuế, lợi nhuận) cho năm (05) năm tiếp theo kể từ năm xin cấp Giấy phép" hoặc "Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm (05) năm gần nhất trong đó cần nêu rõ chỉ tiêu sản lượng sản xuất đối với từng nhóm sản phẩm rượu, các khoản thuế đã nộp, lợi nhuận (đối với các cơ sở sản xuất rượu đang hoạt động)" trong thành phần hồ sơ cấp giấy phép.

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Quy định thời hạn hiệu lực của Giấy phép là 15 năm và tăng cường kiểm tra định kỳ.

41. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu dưới 3 triệu lít/năm (B-BCT-049565-TT)

a) Pháp lý hóa văn bản quy định thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp để được cấp lại giấy phép đối với trường hợp giấy phép hết hạn;

b) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

42. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (B-BCT-047292-TT)

a) Bỏ yêu cầu nộp "Bản sao hợp lệ về quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa cho các thành phần rượu" trong thành phần hồ sơ;

b) Bổ sung quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

c) Bổ sung quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

43. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (B-BCT-154623-TT)

a) Quy định thành phần hồ sơ gồm Đơn đề nghị và bản gốc giấy phép cũ. Trường hợp mất hoặc cháy thì chỉ cần nộp Đơn đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp phép, số lượng hồ sơ, mẫu đơn đối với các trường hợp cấp lại.

III. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

44. Chấp thuận đăng ký Nhượng quyền thương mại từ Việt Nam ra nước ngoài (B- BCT-124633-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này và quy định hàng năm doanh nghiệp báo cáo thực hiện.

45. Chấp thuận đăng ký Nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam (BCT-002736-TT)

Bỏ yêu cầu công chứng đối với Văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp trong thành phần hồ sơ.

46. Thay đổi Đăng ký nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam (BCT-124987-TT)

Bỏ yêu cầu công chứng đối với Văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp trong thành phần hồ sơ.

47. Phê duyệt thanh lý vật tư, máy móc, thiết bị của Nhà thầu nước ngoài còn dư sau khi hoàn thành thi công công trình (B-BCT-117513-TT)

Pháp lý hóa văn bản quy định thành phần hồ sơ phê duyệt thanh lý vật tư, máy móc, thiết bị của nhà thầu nước ngoài còn dư sau khi hoàn thành thi công công trình.

48. Đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, tạm nhập tái xuất của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-002555-TT)

Pháp lý hóa văn bản quy định thành phần hồ sơ Đăng ký danh mục hàng tạm nhập, tái xuất của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam.

49. Chấp thuận đăng ký hoạt động Nhượng quyền thương mại trong nước (B-BCT-059974-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này thay bằng quy định hàng năm doanh nghiệp phải báo cáo kết quả thực hiện hoạt động nhượng quyền thương mại.

50. Chấp thuận đăng ký lại hoạt động nhượng quyền trong nước (B-BCT-059987-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

51. Thay đổi đăng ký hoạt động Nhượng quyền thương mại trong nước (B-BCT-124996-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

52. Nhóm thủ tục về dấu nghiệp vụ giám định thương mại:

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại (B-BCT-048750-TT);

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lại dấu nghiệp vụ giám định thương mại (B-BCT-110477-TT);

- Đăng ký sửa đổi, bổ sung dấu nghiệp vụ giám định thương mại (B-BCT-048879-TT)

Bãi bỏ các thủ tục hành chính này.

IV. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

53. Nhóm thủ tục về lập cơ sở bán lẻ:

- Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (B-BCT-159177-TT);

- Cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-163396-TT)

a) Đổi tên thủ tục "Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ" thành thủ tục "Chấp thuận cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ" do Bộ Công thương thực hiện cho phù hợp quy định tại Điều 5 Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 về thẩm quyền của Bộ Công thương trong việc cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ/Cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

b) Bổ sung quy định thành phần hồ sơ, trình tự và cách thức thực hiện thủ tục hành chính, số bộ hồ sơ gửi các cơ quan liên quan đến giải quyết thủ tục chấp thuận, thời hạn giải quyết thủ tục chấp thuận;

c) Bổ sung quy định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và tham mưu, trình Bộ Công thương chấp thuận hoặc UBND cấp tỉnh/phối hợp với cơ quan quản lý đầu tư về quyết định việc cấp Giấy phép lập/Giấy chứng nhận đầu tư cơ sở bán lẻ phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007;

d) Pháp lý hóa văn bản số 4422/BCT-KH ngày 18 tháng 5 năm 2009 và Công văn số 6656/BCT-KH ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Bộ Công thương về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ.

54. Các thủ tục về giấy phép kinh doanh, điều chỉnh danh mục mặt hàng, điều chỉnh thông tin trong giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

- Điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163397-TT);

- Điều chỉnh Danh mục mặt hàng trong Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163392-TT);

- Điều chỉnh thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163395-TT)

a) Đổi tên thủ tục thành "Chấp thuận điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh đối với nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh phân phối hoặc các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa" cho phù hợp với thẩm quyền của Bộ Công thương quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 10 Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức, thời hạn giải quyết thủ tục "Chấp thuận điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh" đối với nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh phân phối hoặc các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;

c) Bổ sung quy định Sở Công thương cấp tỉnh "có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và tham mưu, trình Bộ Công thương chấp thuận, phối hợp với cơ quan quản lý đầu tư về quyết định việc điều chỉnh ngành nghề kinh doanh trong Giấy phép kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài".

55. Nhóm thủ tục về lập cơ sở bán lẻ:

- Điều chỉnh nội dung hoạt động cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163394-TT);

- Thay đổi, chuyển địa điểm cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163399-TT);

- Điều chỉnh thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Giấy phép lập cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (B-BCT-163398-TT)

a) Đổi tên thủ tục thành "Chấp thuận điều chỉnh nội dung hoạt động cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài" ;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết thủ tục "Chấp thuận Điều chỉnh nội dung hoạt động cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài";

c) Bổ sung quy định cơ quan có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và tham mưu, trình Bộ Công thương chấp thuận, phối hợp với cơ quan quản lý đầu tư về quyết định việc Điều chỉnh nội dung hoạt động cơ sở bán lẻ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài;

d) Bổ sung hướng dẫn cụ thể hơn các tiêu chí làm cơ sở để kiểm tra đánh giá nhu cầu kinh tế-ENT để thực hiện việc cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ.

56. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-047809-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Sửa quy định "được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận" thành "được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam";

c) Bỏ nội dung liệt kê tài liệu gửi kèm trong mẫu đơn;

d) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

57. Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-047831-TT)

Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

58. Điều chỉnh, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-047836-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Bỏ nội dung liệt kê tài liệu gửi kèm trong mẫu đơn;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

59. Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (B-BCT-047837-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Bỏ nội dung liệt kê tài liệu gửi kèm trong mẫu đơn;

c) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

V. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

60. Cấp Chứng thư số (B-BCT-108684-TT)

a) Bổ sung cách thức thực hiện nộp hồ sơ thủ tục cấp chứng thư số qua mạng internet và hình thức các loại giấy tờ để áp dụng cách thức qua mạng;

b) Sửa đổi quy định tại Điều 10 Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ Công thương: Giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

61. Gia hạn Chứng thư số (B-BCT-108703-TT)

a) Bổ sung cách thức thực hiện nộp hồ sơ thủ tục cấp chứng thư số qua mạng internet và hình thức các loại giấy tờ để áp dụng cách thức qua mạng;

b) Sửa đổi quy định tại Điều 10 Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ Công thương: Giảm thời hạn giải quyết từ 10 ngày xuống không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

62. Tạm dừng Chứng thư số (B-BCT-108714-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

63. Khôi phục Chứng thư số (B-BCT-108719-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

64. Thu hồi Chứng thư số (B-BCT-108726-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

65. Thay đổi cặp khóa của chứng thư số (B-BCT-108733-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

VI. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

66. Xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP (B-BCT-034067-TT)

a) Thay thế thủ tục xác nhận đăng ký bằng thủ tục thông báo thực hiện khuyến mại;

b) Quy định giấy tờ chứng minh việc khuyến mại là hợp pháp là Giấy biên nhận của cơ quan nhận thông báo hoặc biên lai gửi tài liệu thông báo qua bưu điện, hoặc bằng chứng chứng minh đã gửi thông báo đến cơ quan có thẩm quyền qua internet;

c) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

d) Quy định cụ thể thông tin trên vé số gồm: tên chương trình, giải thưởng, địa điểm, thời gian mở thưởng, thời gian phát thưởng, thông tin liên lạc của thương nhân;

đ) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 02 bộ: 01 bộ gửi Bộ Công thương và 01 bộ gửi Sở Công thương cấp tỉnh, nơi thương nhân dự kiến tổ chức thực hiện khuyến mại;

e) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau 5 ngày làm việc (tính theo thời gian nhận ghi trên giấy biên nhận đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện hoặc bằng chứng chứng minh thời gian nộp hồ sơ qua đường Internet) mà cơ quan quản lý không có ý kiến về việc không được thực hiện thì doanh nghiệp được thực hiện chương trình khuyến mại như hồ sơ đã gửi. Trường hợp không chấp nhận cơ quan quản lý phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp nêu rõ lý do không chấp nhận đồng thời gửi các cơ quan có liên quan tại địa phương nơi thương nhân dự kiến tổ chức thực hiện khuyến mại biết để phối hợp.

67. Xác nhận đăng ký sửa đổi/bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên hoặc theo hình thức quy định tại Điều 17 Nghị định số 37/2006/NĐ-CP (B-BCT-034073-TT)

a) Thay thế thủ tục hành chính này bằng thủ tục thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn từ 2 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trở lên;

b) Quy định Giấy tờ để chứng minh việc khuyến mại là hợp pháp là giấy biên nhận hoặc biên lai gửi bưu điện, hoặc bằng chứng chứng minh đã gửi qua internet;

c) Pháp lý hóa văn bản quy định về trình tự, cách thức, hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính này;

d) Bổ sung quy định các nội dung sửa đổi phải được công khai tại các địa điểm thực hiện chương trình;

đ) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau 05 ngày làm việc (tính theo thời gian nhận ghi trên giấy biên nhận đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện hoặc bằng chứng chứng minh thời gian nộp hồ sơ qua đường Internet) mà cơ quan quản lý không có ý kiến về việc không được thực hiện thì doanh nghiệp được thực hiện chương trình khuyến mại như hồ sơ đã gửi. Trong trường hợp không chấp nhận phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp nêu rõ lý do không chấp nhận đồng thời gửi cho các địa phương có liên quan biết để phối hợp.

68. Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại ở nước ngoài (B-BCT-034077-TT)

a) Quy định cách thức đăng ký qua mạng và thành phần hồ sơ thực hiện cách thức này;

b) Bãi bỏ yêu cầu nộp "Báo cáo kết quả hội chợ, triển lãm thương mại đã đăng ký và thực hiện (nếu có)" trong thành phần hồ sơ;

c) Quy định bản sao y là bản sao chụp có dấu sao y tự xác nhận của thương nhân;

d) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

69. Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại ở nước ngoài (B-BCT-034078-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

70. Lựa chọn thương hiệu sản phẩm tham gia chương trình thương hiệu quốc gia (B-BCT-034095-TT)

a) Rút gọn quy trình lựa chọn thành 07 bước, trong đó các bước 1, 2, 3 gộp vào thành 1 bước;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về trình tự, cách thức thực hiện, thành phần hồ sơ, số bộ hồ sơ phải nộp, yêu cầu, điều kiện thực hiện.

71. Xác nhận đăng ký thực hiện khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (B-BCT-034074-TT)

a) Thay thế thủ tục hành chính này bằng thủ tục Thông báo thực hiện khuyến mại;

b) Quy định Giấy tờ để chứng minh việc khuyến mại là hợp pháp là giấy biên nhận hoặc biên lai gửi bưu điện, hoặc bằng chứng chứng minh đã gửi qua internet;

c) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

d) Quy định in trên mẫu vé số dự thưởng những thông tin sau: tên chương trình, giải thưởng, địa điểm, thời gian mở thưởng, phát thưởng, thông tin liên lạc của thương nhân;

đ) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

e) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Sau 5 ngày làm việc (tính theo thời gian nhận ghi trên giấy biên nhận đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện hoặc bằng chứng chứng minh thời gian nộp hồ sơ qua đường Internet), cơ quan quản lý không có ý kiến về việc không được thực hiện thì doanh nghiệp được thực hiện chương trình khuyến mại như hồ sơ đã gửi; Trường hợp không chấp nhận cơ quan quản lý phải có văn bản thông báo cho doanh nghiệp nêu rõ lý do.

72. Xác nhận đăng ký sửa đổi/bổ sung nội dung chương trình khuyến mại theo hình thức mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (B-BCT-034075-TT)

a) Thay thế thủ tục hành chính này bằng thủ tục Thông báo thực hiện khuyến mại;

b) Quy định Giấy tờ để chứng minh việc khuyến mại là hợp pháp là giấy biên nhận hoặc biên lai gửi thông báo đến cơ quan giải quyết qua bưu điện, hoặc bằng chứng chứng minh đã gửi thông báo qua internet;

c) Bổ sung, quy định rõ cách thức nộp hồ sơ: trực tiếp, qua bưu điện, qua internet;

d) Quy định các nội dung sửa đổi phải được công khai tại các địa điểm thực hiện chương trình;

đ) Quy định thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp hết thời hạn 03 ngày làm việc cơ quan nhận

hồ sơ không có ý kiến về việc không được làm thì doanh nghiệp được tiến hành khuyến mại theo đúng nội dung đã thông báo theo nguyên tắc "im lặng là đồng ý".

73. Thông báo thực hiện khuyến mại (B-BCT-034076-TT)

a) Bổ sung và quy định cách thức gửi thông báo (nộp trực tiếp, nộp qua bưu điện, nộp qua internet) để tổ chức, cá nhân lựa chọn;

b) Quy định thành phần hồ sơ, các loại giấy tờ xác nhận hoặc chứng minh tính pháp lý cho việc quyết toán thuế đối với hoạt động khuyến mại là: Văn bản xác nhận thông báo khuyến mại của cơ quan tiếp nhận thông báo, địa phương nơi tổ chức khuyến mại; hóa đơn, chứng từ mua hàng hóa (nếu khuyến mại bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu khuyến mại bằng tiền);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

74. Xác nhận đăng ký tổ chức hội chợ/triển lãm thương mại tại Việt Nam (B-BCT-034079-TT)

Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp báo cáo đã thực hiện và phần kê các tài liệu gửi kèm trong Mẫu HCTL-1 (Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của Bộ Thương mại - Bộ Tài chính).

75. Xác nhận thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam (B-BCT-034080 –TT)

a) Pháp lý hóa văn bản quy định thành phần hồ sơ đối với trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm;

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

VII. LĨNH VỰC ĐIỆN

76. Nhóm thủ tục về tư vấn giám sát thi công:

- Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện (B-BCT-043699-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy thủy điện (B-BCT-043702-TT);

- Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện (B-BCT-104048-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình nhà máy nhiệt điện (B-BCT-104050-TT);

- Cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp (B-BCT-104057-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp (B-BCT-104051-TT)

a) Thay thế các thủ tục hành chính nói trên bằng thủ tục Thông báo theo hướng các tổ chức tư vấn khi đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn giám sát thi công điện phải gửi văn bản thông báo, hồ sơ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào thông báo hoạt động của các tổ chức tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có cơ sở để tiến hành kiểm tra trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp phát hiện không đáp ứng đủ điều kiện hoặc sai phạm sẽ ra quyết định đình chỉ hoạt động và áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công các công trình điện bảo đảm phù hợp với quy định tại Khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

77. Nhóm thủ tục về tư vấn lập quy hoạch phát triển điện lực:

- Cấp Giấy phép tư vấn lập quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (B-BCT-043496-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn lập quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia (B-BCT-043611-TT);

- Cấp Giấy phép tư vấn lập quy hoạch phát triển điện lực địa phương (B-BCT-104026-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn lập quy hoạch phát triển điện lực địa phương (B-BCT-104030-TT);

- Cấp Giấy phép tư vấn lập quy hoạch bậc thang thủy điện các dòng sông (B-BCT-104034-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn lập quy hoạch bậc thang thủy điện các dòng sông (B-BCT-104036-TT)

a) Thay thế các thủ tục hành chính nói trên bằng thủ tục Thông báo theo hướng các tổ chức tư vấn khi đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn lập quy hoạch điện phải gửi văn bản thông báo, hồ sơ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn lập quy hoạch điện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Thông báo hoạt động của các tổ chức tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp phát hiện không đáp

ứng đủ điều kiện hoặc sai phạm sẽ ra quyết định đình chỉ hoạt động và áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát lập quy hoạch phát triển điện lực bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

78. Nhóm thủ tục về tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện:

- Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy thủy điện (B-BCT-043692-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy thủy điện (B-BCT-043696-TT);

- Cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy nhiệt điện (B-BCT-104040-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng công trình nhà máy nhiệt điện (B-BCT-104042-TT);

- Cấp Giấy phép Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp (B-BCT-104046-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp (B-BCT-104044-TT)

a) Thay thế các thủ tục hành chính nói trên bằng thủ tục Thông báo theo hướng các tổ chức tư vấn khi đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng công trình điện phải gửi văn bản thông báo, hồ sơ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn đầu tư xây dựng điện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Thông báo hoạt động của các tổ chức tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp phát hiện không đáp ứng đủ điều kiện hoặc sai phạm sẽ ra quyết định đình chỉ hoạt động và áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng điện cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

79. Nhóm thủ tục hoạt động truyền tải, phát điện:

- Cấp Giấy phép hoạt động truyền tải điện (B-BCT-043722-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động truyền tải điện (B-BCT-043726-TT);

- Cấp Giấy phép hoạt động phát điện (B-BCT-043704-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phát điện (B-BCT-043721-TT);

- Cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện (B-BCT-044328-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động phân phối điện (B-BCT-044333-TT);

- Cấp Giấy phép xuất nhập khẩu điện (B-BCT-044338-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép xuất nhập khẩu điện (B-BCT-044342-TT);

- Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện (B-BCT-044347-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán buôn điện (B-BCT-044350-TT);

- Cấp Giấy phép hoạt động bán lẻ điện (B-BCT-044354-TT);

- Sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động bán lẻ điện (B-BCT-044357-TT)

a) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực truyền tải, phát điện, phân phối điện, xuất nhập khẩu điện, hoạt động bán buôn, bán lẻ điện cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005;

b) Bỏ yêu cầu nộp "sơ đồ tổ chức, danh sách các đơn vị chi nhánh"; "báo cáo tài chính" trong thành phần hồ sơ;

c) Quy định giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân: Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập;

d) Thay thế quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng "bản sao có chứng thực" (đối với trường hợp nộp qua bưu điện); hoặc "bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu" (đối với trường hợp nộp trực tiếp); bản scan từ bản chính (nộp qua mạng internet);

đ) Sửa đổi các mẫu đơn, mẫu tờ khai ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN (Phụ lục số 1 thiết kế thành 2 mẫu: một mẫu áp dụng cho tổ chức và một mẫu áp dụng cho cá nhân; Phụ lục 3b sửa đổi cột cuối);

e) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

80. Nhóm thủ tục về Thẻ kiểm tra viên điện lực:

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực (B-BCT-043453-TT);

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng (B-BCT-043468-TT);

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng (B-BCT-043483-TT)

a) Đổi tên thủ tục thành "Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Cục Điều tiết điện lực";

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

81. Nhóm thủ tục về cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn:

- Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn tại địa phương (B-BCT-044361-TT);

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn tại địa phương (B-BCT-044368-TT);

- Cấp giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương (B-BCT-044370-TT);

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương (B-BCT-104068-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ;

- Bỏ yêu cầu nộp các tài liệu: Sơ đồ tổ chức, danh sách các đơn vị chi nhánh; Báo cáo tài chính trong thành phần hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động phân phối điện nông thôn;

- Quy định giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân: Bản chụp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập;

- Thay thế quy định nộp "bản sao hợp lệ" phù hợp với cách thực hiện: bản sao có chứng thực (nộp qua bưu điện), hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu (nộp trực tiếp), bản scan từ bản chính (nộp qua mạng).

b) Sửa đổi các mẫu đơn, mẫu tờ khai ban hành kèm theo Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN (Phụ lục số 1 thiết kế thành 2 mẫu: một mẫu áp dụng cho tổ chức và một mẫu áp dụng cho cá nhân; Phụ lục 3b sửa đổi cột cuối);

c) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực phát điện, phân phối điện cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

82. Nhóm thủ tục về cấp Giấy phép tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống:

- Cấp giấy phép Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống (B-BCT-044373-TT);

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép Tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống (B-BCT-044377-TT)

a) Thay thế các thủ tục hành chính nói trên bằng thủ tục Thông báo, theo hướng các tổ chức tư vấn khi đáp ứng đủ điều kiện hoạt động đầu tư xây dựng đường dây

và trạm biến áp phải gửi văn bản thông báo kèm theo hồ sơ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện hoạt động cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Thông báo hoạt động của các tổ chức tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp phát hiện không đáp ứng đủ điều kiện hoặc sai phạm sẽ ra quyết định đình chỉ hoạt động và áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Pháp lý hóa văn bản quy định về yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tư vấn đầu tư xây dựng đường dây và trạm biến áp cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

83. Nhóm thủ tục về cấp Giấy phép tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp cấp điện áp từ 35 kV trở xuống:

- Cấp giấy phép Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống (B-BCT-104065-TT);

- Sửa đổi, bổ sung giấy phép Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp có cấp điện áp từ 35kV trở xuống (B-BCT-044377-TT)

a) Thay thế các thủ tục hành chính nói trên bằng thủ tục Thông báo theo hướng các tổ chức tư vấn khi đáp ứng đủ điều kiện hoạt động Tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp cấp điện áp từ 35 kV trở xuống phải gửi văn bản thông báo kèm theo hồ sơ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện hoạt động tư vấn xây dựng điện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ vào Thông báo hoạt động của các tổ chức tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp từ 35 kV trở xuống để cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm cơ sở để tiến hành kiểm tra, giám sát trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp phát hiện không đáp ứng đủ điều kiện hoặc sai phạm sẽ ra quyết định đình chỉ hoạt động và áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

b) Pháp lý hóa yêu cầu, điều kiện hoạt động trong lĩnh vực tư vấn giám sát thi công đường dây và trạm biến áp cấp điện áp từ 35 kV trở xuống cho phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

84. Nhóm thủ tục về Thẻ kiểm tra viên điện lực:

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực (B-BCT-044380-TT);

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng (B-BCT-044384-TT);

- Cấp Thẻ Kiểm tra viên điện lực trường hợp thẻ bị mất hoặc bị hỏng (B-BCT-044385-TT)

a) Đổi tên thủ tục thành "Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công thương cấp tỉnh";

b) Quy định số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

VIII. LĨNH VỰC THI ĐUA-KHEN THƯỞNG

85. Xét tặng Kỷ niệm Chương "Vì sự nghiệp phát triển ngành Công thương Việt Nam" (B-BCT-113094-TT)

Bỏ yêu cầu nộp Bản kê khai về đối tượng và quá trình công tác trong Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Quyết định số 46/2008/QĐ-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2008 của Bộ Công thương.

IX. LĨNH VỰC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG

86. Xét tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp Quản lý thị trường (B-BCT-123590-TT)

Quy định thời hạn giải quyết không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

X. LĨNH VỰC HÓA CHẤT

87. Thủ tục Cấp giấy phép xuất khẩu (nhập khẩu) hóa chất Bảng 1 (B-BCT-002405-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh nội dung hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức bản sao phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp" trong thành phần hồ sơ;

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bãi bỏ điều kiện "có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa là hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại" do Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh cấp theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

88. Thủ tục Gia hạn Giấy phép xuất khẩu (nhập khẩu) hóa chất Bảng 1 (B-BCT-047847-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

89. Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu (nhập khẩu) hóa chất Bảng 2 (B-BCT-108097-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện /công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bãi bỏ điều kiện "có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa là hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại" do Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh cấp theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

90. Thủ tục Gia hạn Giấy phép xuất khẩu (nhập khẩu) hóa chất Bảng 2 (B-BCT-111728-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

91. Thủ tục Cấp Giấy phép xuất khẩu (hoặc nhập khẩu) hóa chất Bảng 3 (B-BCT-111730-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định hoặc giấy phép thành lập doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bãi bỏ điều kiện "có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hàng hóa là hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại" do Sở Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh cấp theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

92. Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 3 (B-BCT-111853-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

93. Thủ tục Chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 1 (B-BCT-002545-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao chụp có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu "Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Quy định cụ thể các yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 1.

94. Thủ tục chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 2 (B-BCT-111861-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Trong vòng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao chụp có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản sao chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Bổ sung các quy định để cụ thể hóa các yêu cầu điều kiện để thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 2.

95. Thủ tục chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 3 (B-BCT-111880-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng

thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện /công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

d) Quy định cụ thể các yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục chấp thuận đầu tư cơ sở hóa chất Bảng 3.

96. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế kinh doanh (B-BCT-111893-TT)

a) Đổi tên thủ tục này thành "Cấp Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong ngành công nghiệp";

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" về các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận đủ điều kiện về sức khỏe bằng các hình thức bản sao phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

97. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (B-BCT-111896-TT)

a) Đổi tên thủ tục này thành "Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong ngành công nghiệp";

b) Bỏ các giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ: "Bản sao hợp lệ" bằng đại học của Giám đốc hoặc Phó Giám đốc kỹ thuật, chứng chỉ đã tham gia lớp huấn luyện về nghiệp vụ hóa chất của cán bộ kỹ thuật, nhân viên và người lao động; Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe của cơ quan y tế cấp quận, huyện trở trong thành phần hồ sơ quy định tại khoản 5, 6 Điều 11 Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2010.

98. Xác nhận khai báo hóa chất nguy hiểm (B-BCT-111911-TT)

a) Đổi tên thủ tục này thành "Xác nhận khai báo hóa chất";

b) Bổ sung hướng dẫn thi hành Điều 18 Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 về thành phần hồ sơ khai báo hóa chất thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công thương cấp tỉnh, Bộ Công thương;

c) Pháp lý hóa thẩm quyền xác nhận khai báo hóa chất đối với Cục Hóa chất (BCT), Sở Công thương cấp tỉnh cho phù hợp với Khoản 5 Điều 7 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

XI. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP

99. Thủ tục Cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp (B-BCT-002249-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

100. Thủ tục Gia hạn Giấy phép nhập khẩu (hoặc xuất khẩu) tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp (B-BCT-047853-TT)

a) Quy định về trình tự thực hiện như sau: Không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ cơ quan giải quyết thủ tục hành chính phải thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; Cơ quan giải quyết chỉ yêu cầu doanh nghiệp hoàn chỉnh hồ sơ 01 lần duy nhất;

b) Về thành phần hồ sơ:

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao chụp có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bãi bỏ yêu cầu nộp "Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp; Đăng ký mã số doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu" trong thành phần hồ sơ.

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

101. Cấp Giấy phép xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-002212-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

102. Gia hạn Giấy phép xuất, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-048031-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

103. Gia hạn Giấy phép nhập khẩu Nitrat amôn hàm lượng cao (B-BCT-048048-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

104. Cấp Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao (B-BCT-002243-TT)

a) Đổi tên thành "Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh Tiền chất thuốc nổ (B-BCT-002243-TT)" cho phù hợp với quy định tại văn bản hiện hành (Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 về vật liệu nổ công nghiệp);

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản

chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

105. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh Nitrat amôn hàm lượng cao

a) Đổi tên thủ tục này thành "Sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh Tiền chất thuốc nổ (B-BCT-048286-TT)" cho phù hợp với quy định tại Thông tư số 23/2009/TT-BCT ngày 11 tháng 8 năm 2009 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 về vật liệu nổ công nghiệp;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

106. Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-002786-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

c) Bãi bỏ quy định thời hạn hiệu lực giấy phép và quy định cụ thể các trường hợp bị thu hồi tạm thời hoặc thu hồi vĩnh viễn đối với các hành vi vi phạm.

107. Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-107814-TT)

a) Quy định về thành phần hồ sơ đối với các trường hợp điều chỉnh giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng

thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

108. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-002790-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

109. Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-108634-TT)

a) Quy định về thành phần hồ sơ đối với các trường hợp điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

c) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

110. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-002825-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Bãi bỏ yêu cầu nộp các tài liệu về: Danh sách cán bộ lãnh đạo, quản lý có liên quan trực tiếp đến công tác sản xuất, bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ; Hồ sơ của Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phó phòng, ban, cán bộ chuyên trách kỹ thuật an toàn của doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc trong thành phần hồ sơ;

- Bỏ yêu cầu nộp các tài liệu về: Giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng đo lường nhà nước cấp cho các cơ sở thí nghiệm vật liệt nổ công nghiệp trong thành phần hồ sơ;

- Bỏ yêu cầu nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận đủ điều kiện phòng cháy chữa cháy đối với nhà, công trình sản xuất, bảo quản vật liệu nổ công nghiệp trong thành phần hồ sơ;

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

111. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-108376-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định về hồ sơ đối với các trường hợp điều chỉnh giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động;

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

b) Bỏ quy định thời hạn hiệu lực, thay bằng chế độ báo cáo đáp ứng đủ điều kiện.

112. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ (B-BCT-048459-TT)

a) Quy định về hồ sơ đối với các trường hợp điều chỉnh giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng

thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

113. Cấp Giấy phép dịch vụ nổ mìn (B-BCT 158603-TT)

a) Bãi bỏ yêu cầu nộp các tài liệu về: Bản sao hợp lệ các giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Phương án nổ mìn điển hình đã thực hiện trong 02 (hai) năm trở về trước, tính từ thời điểm đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trong thành phần hồ sơ;

b) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

114. Điều chỉnh Giấy phép dịch vụ nổ mìn (B-BCT 158616-TT)

Quy định về hồ sơ đối với các trường hợp cấp điều chỉnh giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động.

115. Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (do Sở Công thương cấp tỉnh thực hiện - B-BCT-047841-TT)

a) Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

116. Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (B-BCT-018634-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Quy định về hồ sơ đối với các trường hợp điều chỉnh giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, gồm: Đơn đề nghị điều chỉnh và giấy tờ chứng minh việc điều chỉnh một trong các nội dung sau: đăng ký kinh doanh, địa điểm, quy mô hoặc điều kiện hoạt động;

- Sửa đổi, bổ sung quy định nộp "bản sao hợp lệ" bằng các hình thức "bản sao" phù hợp với từng cách thức thực hiện để cá nhân, tổ chức chọn: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử).

b) Quy định thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

XII. LĨNH VỰC DẦU KHÍ

117. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (B-BCT-163063-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Thay yêu cầu nộp "bản sao chứng thực của cơ quan có thẩm quyền" bằng hình thức phù hợp với từng cách thức thực hiện: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bỏ yêu cầu nộp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự"; "dự án, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho phép đầu tư xây dựng trạm nạp và trang thiết bị của trạm nạp kèm theo Giấy phép xây dựng"; "Bản kê trang thiết bị kỹ thuật kèm theo các tài liệu chứng minh" trong thành phần hồ sơ; "Giấy chứng nhận đã được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cấp cho từng cán bộ, nhân viên trong trạm nạp LPG" trong thành phần hồ sơ.

b) Bổ sung quy định thời hạn thông báo cho doanh nghiệp về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ trong vòng 03 ngày làm việc (tính từ ngày nhận hồ sơ);

c) Bỏ quy định thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào chai, thay bằng chế độ báo cáo và tăng cường hậu kiểm về sự đáp ứng đủ điều kiện.

118. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (B-BCT-163310-TT)

Đổi tên thủ tục thành "Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng cho cửa hàng bán LPG chai"; sửa nội dung đề dẫn Điều 29, tên mẫu đơn, tên mẫu giấy chứng nhận để bảo đảm sự nhất quán, phù hợp với tên thủ tục tại các phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 107/2009/NĐ-CP.

119. Nhóm thủ tục điều kiện nạp khí LPG:

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nạp LPG vào ôtô (B-BCT-163320-TT);

- Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm cấp LPG (B-BCT-163323-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Thay yêu cầu nộp "bản sao chứng thực của cơ quan có thẩm quyền" bằng hình thức phù hợp với từng cách thức thực hiện: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bỏ yêu cầu nộp "Giấy xác nhận đủ điều kiện trật tự, an ninh nạp LPG vào ôtô, trạm cấp LPG"; "Giấy chứng nhận cấp cho từng cán bộ, nhân viên làm việc tại trạm nạp LPG vào ôtô đã được đào tạo, huấn luyện" trong thành phần hồ sơ.

b) Quy định cụ thể cách thức tổ chức xác định hoặc hình thức giấy tờ chứng minh tính pháp lý về đáp ứng đủ điều kiện nạp LPG vào ôtô;

c) Bỏ quy định thời hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đủ điều nạp LPG vào ôtô thay bằng chế độ báo cáo và tăng cường công tác hậu kiểm, quy định hình thức xử lý vi phạm trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh.

XIII. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CẠNH TRANH

120. Thủ tục thông báo tập trung kinh tế (B-BCT-032149-TT)

Bổ sung quy định cách thức thực hiện thủ tục Thông báo tập trung kinh tế qua mạng Internet, bao gồm: thành phần hồ sơ khai qua mạng, hình thức bản sao (bản scan từ bản gốc) chữ ký điện tử.

121. Thủ tục đề nghị hưởng miễn trừ đối với thỏa thuận hạn chế cạnh tranh (B-BCT-032184-TT)

a) Thay thế yêu cầu nộp "Báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ dưới hình thức đề án nghiên cứu khả thi do tổ chức khoa học và công nghệ, các tổ chức nghiên cứu và phát triển được thành lập theo Luật Khoa học và Công nghệ thực hiện hoặc đánh giá" bằng "Báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ do doanh nghiệp tự lập";

b) Bổ sung phương thức khai báo hồ sơ qua mạng.

122. Thủ tục đề nghị hưởng miễn trừ đối với tập trung kinh tế (B-BCT-123595-TT)

a) Thay thế yêu cầu nộp "Báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ dưới hình thức đề án nghiên cứu khả thi do tổ chức khoa học và công

nghệ, các tổ chức nghiên cứu và phát triển được thành lập theo Luật Khoa học và Công nghệ thực hiện hoặc đánh giá" bằng "Báo cáo giải trình cụ thể việc đáp ứng điều kiện được hưởng miễn trừ do doanh nghiệp tự lập";

b) Bổ sung phương thức khai báo hồ sơ qua mạng.

123. Cấp Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp (B-BCT-033283-TT)

a) Về thành phần hồ sơ:

- Thay yêu cầu nộp "bản sao chứng thực của cơ quan có thẩm quyền" bằng hình thức phù hợp với từng cách thức thực hiện: Bản sao có chứng thực (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện/công văn hành chính); Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu (Đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); Bản scan từ bản gốc (nếu thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử);

- Bỏ nội dung "kèm theo đơn" trong Mẫu MD 1 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08 tháng 11 năm 2005.

b) Quy định rõ số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

124. Cấp bổ sung Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp (B-BCT-123635-TT)

a) Bỏ nội dung "kèm theo đơn" trong Mẫu MD 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08 tháng 11 năm 2005;

b) Quy định rõ số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

125. Cấp lại Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp (B-BCT-123652-TT)

a) Bỏ nội dung "kèm theo đơn" trong Mẫu MD 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08 tháng 11 năm 2005;

b) Bỏ yêu cầu "Xác nhận của Công an cấp xã vào khai báo của doanh nghiệp về việc mất Giấy đăng ký tổ chức bán hàng đa cấp" trong thành phần hồ sơ;

c) Quy định rõ số bộ hồ sơ phải nộp là 01 bộ.

XIV. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP

126. Thủ tục Xác nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp xe gắn máy (B-BCT-159648-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

127. Thủ tục Xác nhận đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp ôtô (B-BCT-128596-TT)

Bãi bỏ thủ tục hành chính này.

128. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký sử dụng các đối tượng có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (B-BCT-047838-TT)

Thay thế thủ tục cấp Giấy chứng nhận bằng Thông báo đáp ứng đủ điều kiện của doanh nghiệp kèm theo các giấy tờ chứng minh đáp ứng điều kiện an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp (theo thành phần hồ sơ và giấy tờ chứng minh đáp ứng đủ điều kiện theo quy định hiện hành) đến Sở Công thương cấp tỉnh.

PHẦN B
TRÁCH NHIỆM THỰC THI ĐƠN GIẢN HÓA

I. ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Giao Bộ Công thương

1. Căn cứ thời hạn, tiến độ xây dựng luật, pháp lệnh do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh sau khi được Quốc hội thông qua, chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan hoàn thành việc soạn thảo dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực (Luật số 28/2004/QH11) để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 49 mục III; các khoản 77, 79 mục VII; khoản 120 mục XIII Phần A của Phương án đơn giản hóa này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp thành văn bản chung, trình Chính phủ xem xét, thông qua;

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83 mục VII Phần A của Phương án đơn giản hóa này, trình Chính phủ theo thời hạn trình Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực;

3. Xây dựng Thông tư thay thế Quyết định số 31/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006, Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 về quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực, Quyết định số 15/2008/QĐ-BCT ngày 01 tháng 7 năm 2008 về bổ sung sửa đổi Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu tại các khoản 76, 77, 78, 79, 80, 81, 82, 83 mục VII phần A của Phương án đơn giản hóa này, ban hành cùng thời điểm với dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại Nghị

định 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực nêu tại điểm b mục I phần B của Phương án đơn giản hóa này.

II. ĐỐI VỚI PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT, PHÁP LỆNH

Giao Bộ Công thương

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng các Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại các Nghị định sau đây, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 3, 4, 20 mục I phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết về xuất xứ hàng hóa để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 12 mục I phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 về thành lập sở giao dịch hàng hóa để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 15 mục I phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 16, 35 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 40/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2008 về sản xuất kinh doanh rượu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 18, 24 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày ngày 31 tháng 3 năm 2006 về hoạt động nhượng quyền thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 44, 49, 50, 51 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 quy định chi tiết về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 52 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 72/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về thành lập, hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại

Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 56, 57, 58, mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 37/2006/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động xúc tiến thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74 mục VI Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 100/2005/NĐ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 87, 88, 89, 90, 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97 mục X Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 98 mục X Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 39/2009/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ quy định về vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 101, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111, 112, 114, 115, 116 mục XI Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 107/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về kinh doanh dầu khí hóa lỏng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 117, 118, 119 mục XII Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 116/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 120, 121, 122 mục XIII Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Nghị định số 110/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ về quản lý hoạt động bán hàng đa cấp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 123, 124 mục XIII Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành quan liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại các quyết định sau đây, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Quyết định số 38/2002/QĐ-TTg ngày 14 tháng 3 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu linh kiện xe hai bánh gắn

máy để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 126 mục XIV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 177/2004/QĐ-TTg ngày 05 tháng 10 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp ôtô đến năm 2010, tầm nhìn tới năm 2020 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 127 mục XIV Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

3. Xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại các Thông tư sau đây, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Thông tư số 04/2006/TT-BTM ngày 06 tháng 4 năm 2006 về hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 1, 5, 7, 8, 10 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 02/2010/TT-BCT ngày 14 tháng 01 năm 2010 về nhập khẩu thuốc lá phục vụ kinh doanh bán hàng miễn thuế để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 2 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 06/2007/TT-BTM ngày 30 tháng 5 năm 2007 về nhập khẩu xe môtô phân khối lớn để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại khoản 11 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 19/2009/TT-BCT ngày 22 tháng 5 năm 2009 về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, Thông tư số 10/2009/TT-BCT về quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản và Thông tư số 07/2006/TT-BTM ngày 17 tháng 4 năm 2006 hướng dẫn thủ tục cấp và quản lý việc cấp Giấy chứng nhận xuất xứ theo Nghị định số 19/2006/NĐ-CP để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 12 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 03/2009/TT-BCT ngày 10 tháng 02 năm 2009 về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu tại khoản 15 mục I Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 14/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 11 năm 2008 về sản xuất và kinh doanh thuốc lá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 16, 17, 19, 21, 22, 23, 26, 27, 28, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 10/2008/TT-BCT ngày 25 tháng 7 năm 2008 về sản xuất kinh doanh rượu để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu tại các khoản 18, 19, 24, 25,

29, 30 mục I và các khoản 38, 39, 40, 41, 42, 43 mục II Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 09/2006/TT-BTM ngày 25 tháng 05 năm 2006 về hoạt động nhượng quyền thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 44, 45, 46, 49, 50, 51 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 06/2006/TT-BTM ngày 11 tháng 4 năm 2006 về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 52 mục III Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 11/2006/TT-BTM ngày 28 tháng 9 năm 2006 về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 56, 57, 58 và 59 mục IV Phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất để thực hiện phương án đơn giản hóa nêu tại các khoản 96, 97 mục X phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 23/2009/TT-BCT 11 tháng 8 năm 2009 về hoạt động kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 101, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 113, 114, 115, 116 mục XI phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08 tháng 11 năm 2005 về đăng ký bán hàng đa cấp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 123, 124, 125 mục XIII phần A của Phương án đơn giản hóa này.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 07/2007/TTLT-BTM-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2007 của liên Bộ Thương mại và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về khuyến mại và hội chợ, triển lãm thương mại để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 67, 68, 69, 71, 72, 73, 74, 75 mục VI phần A của Phương án đơn giản hóa này, ban hành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011.

5. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp để sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại các văn bản sau đây, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục được dẫn chiếu kèm theo, hoàn thành trước ngày 31 tháng 3 năm 2011:

- Quyết định số 1375/1999/QĐ-BTM ngày 23 tháng 11 năm 1999 của Bộ Thương mại ban hành quy chế cấp giấy chứng nhận xuất khẩu và giấy chứng nhận xuất xứ

mẫu hàng hóa A để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 12 mục I phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 40/2008/QĐ-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2008 của Bộ Công thương về quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thực số và dịch vụ chứng thực chữ ký số để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 60, 61, 62, 63, 64, 65 mục V phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 0712/QĐ-BTM ngày 07 tháng 5 năm 2007 của Bộ Thương mại về quy chế dành cho doanh nghiệp có thương hiệu tham gia Chương trình Thương hiệu Quốc gia để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 70 mục VI phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 31/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006 về việc ban hành quy định kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 84 mục VII phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 46/2008/QĐ-BCT ngày 17 tháng 12 năm 2008 về ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì Sự nghiệp phát triển ngành Công thương Việt Nam" nêu tại khoản 85 mụcVIII phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 15/2007/QĐ-BTM ngày 05 tháng 6 năm 2007 về việc ban hành Quy chế xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp quản lý thị trường" để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 86 mục IX phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 134/2003/QĐ-BCN ngày 25 tháng 8 năm 2003 về ban hành danh mục và quy chế quản lý tiền chất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 99, 100 mục IX phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 24/2002/QĐ-BCN ngày 07 tháng 6 năm 2002 về về tiêu chuẩn của doanh nghiệp sản xuất lắp ráp xe hai bánh gắn máy để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 126 mục XIV phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 115/2004/QĐ-BCN ngày 27 tháng 10 năm 2004 quy định tiêu chuẩn doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp ôtô để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 127 mục XIV phần A của Phương án đơn giản hóa này;

- Quyết định số 136/2004/QĐ-BCN ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Danh mục các máy, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp và Quy chế quản lý kỹ thuật an toàn đối với các máy, thiết bị, hóa chất độc hại có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại khoản 128 mục XIV phần A của Phương án đơn giản hóa này./.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng